



#### **Điều 4. Thời gian ôn thi, kiểm tra**

1. Thời gian ôn thi, kiểm tra áp dụng cho kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học.

2. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun và thi tốt nghiệp của khoá học được quy định trong chương trình dạy nghề để quy định cụ thể thời gian ôn, kiểm tra kết thúc cho từng môn học, mô-đun và thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học.

#### **Điều 5. Đánh giá và lưu kết quả thi, kiểm tra**

1. Đánh giá kết quả thi, kiểm tra được thực hiện theo quy định sau:

a) Kết quả thi, kiểm tra được đánh giá theo phương pháp tính điểm và dùng thang điểm 10 (từ 0 đến 10);

b) Điểm đánh giá bài thi, kiểm tra được tính tròn đến một chữ số thập phân.

2. Kết quả thi, kiểm tra của cá nhân người học nghề được lưu trong Sổ kết quả học tập (theo mẫu số 1 kèm theo Quy chế này) và Bảng tổng hợp kết quả học tập (theo mẫu số 2a hoặc 2b kèm theo Quy chế này).

#### **Điều 6. Điều kiện để được công nhận tốt nghiệp**

Người học nghề được công nhận tốt nghiệp khi có kết quả thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 18, Điều 23 của Quy chế này.

#### **Điều 7. Quản lý thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong các cơ sở dạy nghề**

1. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề chịu trách nhiệm toàn bộ về các quyết định của mình đối với hoạt động kiểm tra trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề trong cơ sở dạy nghề của mình.

2. Phòng đào tạo chịu trách nhiệm giúp người đứng đầu cơ sở dạy nghề trong việc quản lý hoạt động kiểm tra trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học và công nhận tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quy chế này và nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của cơ sở dạy nghề.

3. Trưởng khoa, trưởng bộ môn chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ sở dạy nghề về việc tổ chức kiểm tra trong quá trình học tập của các môn học, mô-đun.

4. Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở giáo dục khác có đăng ký hoạt động dạy nghề chính quy thì người đứng đầu cơ sở dạy nghề quy định cụ thể cá nhân hoặc tổ chức chịu trách nhiệm về quản lý, tổ chức hoạt động kiểm tra trong quá trình học tập, kiểm tra kết thúc khoá học và công nhận tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quy chế này và nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của cơ sở dạy nghề.

## **Điều 8. Nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp**

1. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề căn cứ vào quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan để xây dựng và ban hành nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp phù hợp với điều kiện của cơ sở mình.

2. Nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp quy định cụ thể về các công việc chuẩn bị và tổ chức hoạt động thi, kiểm tra; ra đề thi, kiểm tra; chấm thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp và các hình thức xử lý vi phạm nhằm bảo đảm chính xác, công bằng, khách quan trong quá trình thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp.

## **Chương II**

### **THI, KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỐI VỚI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

#### **Mục 1**

#### **KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP**

### **Điều 9. Kiểm tra định kỳ**

1. Kiểm tra định kỳ được thực hiện theo kế hoạch được quy định trong chương trình môn học, mô-đun.

2. Kiểm tra định kỳ lý thuyết được thực hiện theo hình thức viết trong thời gian từ 45 - 90 phút; Kiểm tra định kỳ thực hành được thực hiện theo hình thức thực hành một bài tập kỹ năng trong thời gian từ 2- 4 giờ.

3. Việc ra đề kiểm tra, đáp án và chấm bài kiểm tra định kỳ do giáo viên trực tiếp giảng dạy thực hiện.

4. Người học nghề phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ. Trường hợp người học nghề không dự kiểm tra định kỳ thì được được giáo viên trực tiếp giảng dạy bố trí kiểm tra định kỳ bổ sung.

5. Người học nghề có điểm trung bình cộng các điểm kiểm tra định kỳ dưới 5,0 điểm thì được giáo viên trực tiếp giảng dạy xem xét, bố trí kiểm tra lần thứ hai một số bài kiểm tra định kỳ có điểm dưới 5,0 điểm.

Đối với bài kiểm tra định kỳ được kiểm tra hai lần thì lấy điểm cao nhất của hai lần kiểm tra để tính điểm trung bình cộng các điểm kiểm tra định kỳ và điểm tổng kết môn học, mô-đun.

6. Điểm kiểm tra định kỳ được tính hệ số 2 trong điểm tổng kết môn học, mô-đun.

### **Điều 10. Điều kiện dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun**

1. Người học nghề được dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun khi có đầy đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% thời gian quy định của học lý thuyết trong chương trình môn học, mô-đun;

b) Tham gia đầy đủ thời gian rèn luyện kỹ năng thực hành được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

c) Đủ số điểm kiểm tra định kỳ theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này và có điểm trung bình cộng các điểm kiểm tra định kỳ đạt từ 5,0 điểm trở lên.

2. Người học nghề không đủ điều kiện dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được giải quyết như sau:

a) Đối với người học nghề có số thời gian nghỉ học lý thuyết dưới 30% thời gian quy định thì phải tham gia học bổ sung khối lượng học tập còn thiếu.

b) Đối với người học nghề có thời gian không tham gia rèn luyện kỹ năng thực hành dưới 15% thời gian quy định thì phải tham gia rèn luyện kỹ năng thực hành bổ sung đầy đủ các bài tập rèn luyện kỹ năng thực hành của môn học, mô-đun.

Trưởng khoa, trưởng bộ môn bố trí giáo viên phụ đạo, kiểm tra bổ sung để người học nghề đáp ứng được các điều kiện trên.

3. Người học nghề không đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này phải đăng ký học lại môn học, mô-đun đó trong các khoá học sau.

### **Điều 11. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun**

1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện cho tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình dạy nghề.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được tổ chức hai lần.

a) Lần kiểm tra thứ nhất được thực hiện đối với những người học nghề có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế này;

b) Lần kiểm tra thứ hai dành cho người học nghề có điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất dưới 5,0 điểm; người học nghề quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy chế này sau khi đáp ứng đủ điều kiện và người học nghề có đủ điều kiện dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất nhưng chưa tham dự kiểm tra. Thời điểm tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần hai cách thời điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất tối thiểu là 2 tuần.

Đối với người học nghề không tham dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất, có lý do chính đáng thì khi tham dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ hai có kết quả dưới 5,0 điểm được đăng ký kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun bổ sung một lần nữa khi nhà trường có tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun đó tại kỳ kiểm tra khác.

Đối với người học nghề không tham dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất, không có lý do chính đáng thì chỉ được phép kiểm tra một lần trong lần kiểm tra thứ hai.

3. Kế hoạch kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun do phòng đào tạo phối hợp với các khoa, bộ môn xây dựng trên cơ sở kế hoạch đào tạo của khoá học và phải được thông báo cho người học nghề biết khi bắt đầu tổ chức thực hiện chương trình môn học, mô-đun đó.

4. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện theo một hoặc kết hợp hai hình thức trong các hình thức sau: hình thức kiểm tra vấn đáp có thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời; hình thức kiểm tra viết trong thời gian từ 60 - 120 phút; hình thức kiểm tra thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp có thời gian thực hiện từ 4-8 giờ.

5. Đề kiểm tra, đáp án và thang điểm chấm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun do trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn tổ chức biên soạn và phê duyệt.

6. Việc chấm bài kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun do hai giáo viên được trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn chỉ định thực hiện. Quy trình chấm được thực hiện theo quy định trong nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của trường.

7. Người học nghề sau hai lần kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun mà vẫn có điểm kiểm tra dưới 5,0 điểm phải học lại môn học, mô-đun đó trong các khoá học sau.

8. Điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được tính hệ số 3 trong điểm tổng kết môn học, mô-đun.

#### **Điều 12 . Điểm tổng kết môn học, mô-đun.**

1. Điểm tổng kết môn học, mô-đun của người học nghề được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TKM} = \frac{2. \sum_{i=1}^n Đ_{iDK} + 3. Đ_{KT}}{2n + 3}$$

Trong đó:

- $Đ_{TKM}$ : Điểm tổng kết môn học, mô-đun
- $Đ_{iDK}$ : Điểm kiểm tra định kỳ môn học, mô-đun lần i
- n: Số lần kiểm tra định kỳ.
- $Đ_{KT}$ : Điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun. Đối với người học nghề phải dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun hai lần thì điểm được tính là điểm cao nhất của hai lần kiểm tra.

2. Điểm tổng kết môn học, mô-đun được tính tròn đến một chữ số thập phân.

### **Mục 2**

#### **THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 13. Điều kiện dự thi tốt nghiệp**

Người học nghề được dự thi tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có kết quả học tập môn học, mô-đun đáp ứng được điều kiện sau:
  - Điểm tổng kết môn chính trị từ 5,0 điểm trở lên đối với người dự thi môn chính trị;

- Điểm tổng kết các môn học văn hoá từ 5,0 điểm trở lên đối với người dự thi các môn văn hoá phổ thông;

- Điểm tổng kết các môn học, mô-đun đào tạo nghề đạt từ 5,0 điểm trở lên đối với người dự thi kiến thức, kỹ năng nghề.

2. Không trong thời gian đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm tổ chức thi.

#### **Điều 14. Đối tượng dự thi tốt nghiệp**

1. Đối tượng được dự thi tốt nghiệp bao gồm:

a) Người học nghề có đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này;

b) Người học nghề các khoá trước có đủ điều kiện được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này nhưng chưa tham dự thi hoặc thi trượt tốt nghiệp, có đơn xin dự thi và được hiệu trưởng quyết định cho phép tham dự thi tốt nghiệp theo các nội dung chưa thi tốt nghiệp hoặc thi trượt tốt nghiệp;

c) Người học nghề các khoá trước không đủ điều kiện được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, đã tham gia học tập và rèn luyện hoàn thiện các điều kiện còn thiếu, có đơn xin dự thi tốt nghiệp và được hiệu trưởng quyết định cho phép tham dự thi tốt nghiệp.

2. Danh sách các đối tượng dự thi tốt nghiệp phải được hiệu trưởng phê duyệt và công bố công khai trước ngày bắt đầu tiến hành thi tốt nghiệp tối thiểu 15 ngày.

#### **Điều 15. Hội đồng thi tốt nghiệp**

1. Hội đồng thi tốt nghiệp do hiệu trưởng ra quyết định thành lập, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo;

- Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo hoặc trưởng phòng đào tạo;

- Ủy viên thư ký là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng đào tạo;

- Các uỷ viên: gồm một số cán bộ, giảng viên, giáo viên của trường (có thể mời thêm đại diện doanh nghiệp có tuyển dụng người học nghề tốt nghiệp của trường).

2. Hội đồng thi tốt nghiệp có trách nhiệm giúp hiệu trưởng trong các hoạt động tổ chức thi tốt nghiệp, gồm:

a) Tổ chức và lãnh đạo kỳ thi tốt nghiệp theo đúng Quy chế này, nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của nhà trường và kế hoạch đã được hiệu trưởng quyết định;

b) Trình hiệu trưởng ra quyết định thành lập các ban giúp việc cho hội đồng thi tốt nghiệp, gồm:

- Ban thư ký: do uỷ viên thư ký hội đồng làm trưởng ban;

- Ban đề thi: do chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm trưởng ban. Ban đề thi gồm các tiểu ban; mỗi môn thi do một tiểu ban phụ trách; mỗi tiểu ban có số lượng không quá ba người và do một trưởng tiểu ban phụ trách;

- Ban coi thi: do chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm trưởng ban;

- Ban chấm thi: do chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm trưởng ban. Ban chấm thi gồm các tiểu ban; mỗi tiểu ban phụ trách một môn thi tốt nghiệp và do một trưởng tiểu ban phụ trách.

c) Xét và thông qua danh sách đối tượng được dự thi tốt nghiệp; danh sách đối tượng không được dự thi tốt nghiệp, trình hiệu trưởng duyệt và công bố;

d) Bảo đảm việc thực hiện nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp;

đ) Xét kết quả thi tốt nghiệp và giải quyết đơn khiếu nại (nếu có). Lập danh sách người học nghề được công nhận tốt nghiệp và không được công nhận tốt nghiệp trình hiệu trưởng xem xét, ra quyết định công nhận tốt nghiệp;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng giao.

## **Điều 16. Tổ chức thi tốt nghiệp**

### **1. Thi môn chính trị**

a) Thi môn chính trị được tổ chức theo hình thức thi viết tự luận với thời gian 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian 60 phút.

b) Kế hoạch thi môn chính trị do hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho người học nghề biết trước 15 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

### **2. Thi kiến thức, kỹ năng nghề**

a) Thi kiến thức, kỹ năng nghề gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề.

- Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời.

- Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm hoặc dịch vụ. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày.

b) Thi kiến thức, kỹ năng nghề được tổ chức sau khi kết thúc chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, chương trình dạy nghề trình độ trung cấp.

c) Kế hoạch thi kiến thức, kỹ năng nghề do hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho người học nghề biết trước 30 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

3. Thi các môn văn hoá phổ thông đối với người học nghề trình độ trung cấp hệ tuyển sinh trung học cơ sở được thực hiện theo quy định sau :

a) Thi các môn văn hoá phổ thông được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thi tốt nghiệp các môn văn hoá phổ thông đối với hệ trung cấp chuyên nghiệp tuyển sinh trung học cơ sở.

b) Kế hoạch thi các môn văn hoá phổ thông do hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho người học nghề biết trước 15 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

4. Các bài thi tốt nghiệp của người học nghề quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này thực hiện theo hình thức thi viết phải được rọc phách trước khi chấm. Thi vấn đáp và thi thực hành phải có mẫu phiếu chấm thi thống nhất phù hợp với từng hình thức thi.

Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức các mẫu giấy làm bài thi, phiếu chấm thi và cách đánh giá vào bài thi, phiếu chấm thi của trường mình.

#### **Điều 17. Chấm thi tốt nghiệp**

1. Mỗi bài thi tốt nghiệp phải được hai thành viên ban chấm thi tốt nghiệp phân công đánh giá và thống nhất điểm. Nếu hai thành viên không thống nhất phải báo cáo trưởng ban chấm thi tốt nghiệp xem xét quyết định.

2. Điểm chấm thi tốt nghiệp phải được công bố công khai chậm nhất là 20 ngày sau khi thi.

#### **Điều 18. Công nhận tốt nghiệp cho người học nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp**

1. Người học nghề trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp hệ tuyển sinh trung học phổ thông sẽ được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện:

a) Kết quả thi môn chính trị đạt từ 5,0 điểm trở lên;

b) Kết quả thi kiến thức, kỹ năng nghề có điểm thi lý thuyết nghề và điểm thi thực hành nghề đều đạt từ 5,0 điểm trở lên.

2. Người học nghề trình độ trung cấp hệ tuyển sinh trung học cơ sở được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời có điểm thi các môn văn hoá phổ thông đạt từ 5,0 điểm trở lên.

3. Người học nghề không đủ điều kiện để công nhận tốt nghiệp được bảo lưu kết quả các điểm thi tốt nghiệp đã đạt yêu cầu trong thời gian 4 năm kể từ ngày công bố kết quả thi tốt nghiệp của lần thi đó để xét công nhận tốt nghiệp. Trường hợp người học nghề không có nhu cầu tham dự kỳ thi tốt nghiệp khoá sau sẽ được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành khoá học.

4. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp, công bố công khai với người học nghề và báo cáo danh sách người học nghề được công nhận tốt nghiệp và không được công nhận tốt nghiệp lên cơ quan quản lý trực tiếp trường (nếu có) và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi trường đóng chậm nhất là 30 ngày sau khi kết thúc kỳ thi tốt nghiệp.

#### **Điều 19. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp**

1. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được sử dụng để xếp loại tốt nghiệp và được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = \frac{3.Đ_{TB} + 2.Đ_{TNTH} + Đ_{TNLT}}{6}$$

Trong đó:

$D_{TN}$ : Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

$D_{TB}$ : Điểm trung bình chung toàn khoá học được xác định theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

$D_{TNTH}$ : Điểm thi thực hành nghề

$D_{TNLT}$ : Điểm thi lý thuyết nghề

2. Điểm trung bình chung toàn khoá học được xác định như sau:

a) Công thức tính điểm trung bình chung toàn khoá học:

$$D_{TB} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot D_{i_{TKM}}}{\sum_{i=1}^n a_i}$$

Trong đó:

$D_{TB}$ : là điểm trung bình chung toàn khoá học

$a_i$ : Hệ số môn học, mô-đun đào tạo nghề thứ  $i$  được xác định như sau:

- Đối với môn học lý thuyết thì lấy số giờ học lý thuyết của môn học đó chia cho 15 và quy tròn về số nguyên.

- Đối với mô-đun thực hành thì lấy số giờ thực hành của mô-đun đó chia cho 40 và quy tròn về số nguyên.

- Đối với mô-đun tích hợp cả lý thuyết và thực hành thì hệ số mô-đun là tổng của thương hai phép chia tính theo cách tính trên..

$D_{i_{TKM}}$  : Điểm tổng kết môn học, mô-đun đào tạo nghề thứ  $i$ .

$n$ : Số lượng các môn học, mô-đun đào tạo nghề.

b) Điểm trung bình chung được tính đến một chữ số thập phân.

c) Điểm tổng kết các môn học giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, chính trị, tin học, ngoại ngữ và các môn văn hoá phổ thông không tính vào điểm trung bình chung toàn khoá học.

Đối với các nghề có yêu cầu sử dụng tin học, ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp thì điểm tổng kết môn học tin học, ngoại ngữ được tính vào điểm trung bình chung toàn khoá học.

## **Điều 20. Xếp loại tốt nghiệp**

1. Việc xếp loại tốt nghiệp căn cứ vào điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp.

2. Các mức xếp loại tốt nghiệp được quy định như sau:

a) Loại xuất sắc có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 9,0 đến 10;

b) Loại giỏi có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 8,0 đến dưới 9,0;

c) Loại khá có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 7,0 đến dưới 8,0;

d) Loại trung bình khá có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 6,0 đến dưới 7,0;

đ) Loại trung bình có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 5,0 đến dưới 6,0.

3. Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào bằng tốt nghiệp và bảng tổng hợp kết quả học tập của người học nghề.

### **Chương III**

#### **KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỐI VỚI TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGHỀ**

#### **Điều 21. Kiểm tra trong quá trình học tập**

1. Kiểm tra trong quá trình học tập đối với người học nghề trình độ sơ cấp hệ chính quy được thực hiện như kiểm tra trong quá trình học tập đối với trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại mục I, chương II của Quy chế này.

2. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề quy định cụ thể việc kiểm tra trong quá trình học tập của người học nghề trình độ sơ cấp.

#### **Điều 22. Kiểm tra kết thúc khoá học**

1. Kiểm tra kết thúc khoá học chỉ thực hiện đối với người học nghề đảm bảo đủ hai điều kiện sau:

a) Các điểm tổng kết môn học, mô-đun phải đạt từ 5,0 điểm trở lên;

b) Không trong thời gian đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm tổ chức kiểm tra kết thúc khoá học.

2. Kiểm tra kết thúc khoá học thực hiện theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm hoặc dịch vụ.

3. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề quy định việc ra đề kiểm tra, thời gian và quy trình chấm bài kiểm tra đảm bảo sự chính xác, công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học nghề.

4. Hội đồng kiểm tra kết thúc khoá học do người đứng đầu cơ sở dạy nghề ra quyết định thành lập căn cứ vào điều kiện thực tế của cơ sở mình. Hội đồng kiểm tra kết thúc khoá học có trách nhiệm giúp người đứng đầu cơ sở dạy nghề trong hoạt động kiểm tra kết thúc khoá học, gồm:

a) Thông qua danh sách đối tượng được dự kiểm tra kết thúc khoá học;

b) Xây dựng đề, đáp án và quy trình chấm bài kiểm tra kết thúc khoá học;

c) Tổ chức kiểm tra kết thúc khoá học, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp;

d) Chấm bài kiểm tra kết thúc khoá học;

đ) Xếp loại tốt nghiệp cho người học nghề sau khi kết thúc khoá học.

5. Danh sách người học nghề được dự kiểm tra kết thúc khoá học phải được thông báo công khai trước kỳ kiểm tra kết thúc khoá học 15 ngày.

### **Điều 23. Công nhận tốt nghiệp cho người học nghề trình độ sơ cấp**

1. Người học nghề trình độ sơ cấp được công nhận tốt nghiệp khi có điểm tổng kết khoá học được tính theo quy định tại khoản 2 của Điều này từ 5,0 trở lên.

2. Điểm tổng kết khoá học của người học nghề trình độ sơ cấp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TKKH} = \frac{\sum_{i=1}^n Đ_{i_{TKM}} + 2 Đ_{KTKT}}{n + 2}$$

Trong đó:

$Đ_{TKKH}$ : điểm tổng kết khoá học

$Đ_{i_{TKM}}$ : điểm tổng kết môn học, mô-đun thứ i

$Đ_{KTKT}$ : điểm kiểm tra kết thúc khoá học

n: số lượng các môn học, mô-đun đào tạo nghề

3. Việc xếp loại tốt nghiệp cho người học nghề trình độ sơ cấp được căn cứ vào điểm tổng kết khoá học. Các mức xếp loại được xác định tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 20 của Quy chế này. Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào chứng chỉ sơ cấp nghề và bảng tổng hợp kết quả học tập của người học nghề.

4. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề căn cứ báo cáo của hội đồng kiểm tra kết thúc khoá học ra quyết định công nhận tốt nghiệp, công bố công khai với người học nghề và báo cáo kết quả công nhận tốt nghiệp lên cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở dạy nghề (nếu có) và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở dạy nghề đóng chậm nhất là 20 ngày sau khi kết thúc kiểm tra kết thúc khoá học.

## **Chương IV**

### **THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 24. Thanh tra, kiểm tra hoạt động thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp**

Thanh tra Dạy nghề, thanh tra Sở Lao động- Thương binh và Xã hội các địa phương và thanh tra các Bộ, ngành theo thẩm quyền tiến hành thanh tra hoạt động thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của các cơ sở dạy nghề

#### **Điều 25. Xử lý vi phạm đối với người học nghề, giáo viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp**

1. Trong quá trình thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp nếu người học nghề vi phạm Quy chế này và Nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của cơ sở dạy nghề, tùy theo mức độ hành vi sẽ bị xử lý theo một trong các hình thức sau:

a) Khiển trách, cho tiếp tục thi hoặc kiểm tra nhưng trừ 25% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra;

b) Cảnh cáo, cho tiếp tục thi hoặc kiểm tra nhưng trừ 50% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra;

c) Đình chỉ thi hoặc kiểm tra và cho điểm “0” cho bài thi hoặc bài kiểm tra đó;

d) Đình chỉ buộc thôi học hoặc không công nhận tốt nghiệp.

2. Cán bộ, giáo viên vi phạm Quy chế này và nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của cơ sở dạy nghề, tùy theo mức độ hành vi sai phạm phải được xử lý theo các hình thức kỷ luật của cơ sở dạy nghề hoặc bị truy tố trước pháp luật.

3. Các trường hợp vi phạm đều phải lập biên bản và báo cáo người có thẩm quyền theo quy định trong nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp xem xét, quyết định.

#### **Điều 26. Xử lý khiếu nại, tố cáo trong thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp**

Người đứng đầu cơ sở dạy nghề phải có trách nhiệm trả lời các khiếu nại, tố cáo về việc kiểm tra trong quá trình học tập; thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học và công nhận tốt nghiệp trong thời hạn theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Hằng**